

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Đường giao thông nội bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước; số 1433/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 27/TTr-BDT ngày 13/5/2020; đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 2183/TTr-SGTVT ngày 02/ 6/ 2020; Báo cáo kết quả thẩm định số 2182/SGTVT-TĐKHKT ngày 02/6/ 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông nội bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường giao thông nội bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.

2. Mục tiêu đầu tư: Giúp nhân dân trong xã đi lại thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương giữa các thôn trong xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước hoàn thành kết cấu hạ tầng theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn đầu tư Tâm Hòa Phát.

6. Chủ nhiệm dự án: Nguyễn Đình Vinh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích 5.393,0m².

9. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng 701,51m đường giao thông cấp C theo TCVN 10380-2014, gồm có 03 đoạn tuyến:

+ Tuyến 1: Từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Tuyến, dài 342,15m.

+ Tuyến 2: Từ nhà ông Vinh đến nhà ông Thiện, dài 177,67m.

+ Tuyến 3: Từ suối Cây đến nhà văn hóa thôn, dài 181,69m.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 15\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{lề} = (2 \times 0,5)\text{m} = 1,0\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 15\%$; bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn $R_{min} = 10\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250 dày 16cm.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất như tại báo cáo kết quả thẩm định số 2182/SGTVT-TĐKHKT ngày 02/ 6/ 2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo đường mòn cũ hiện có, đào đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; tổng chiều dài $L = 701,51\text{m}$, trong đó:

- Tuyến số 1 (từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Tuyến): Điểm đầu Km0+00 giao với đường bê tông; điểm cuối Km0+342,15 nối đường đất hiện tại.

- Tuyến số 2 (từ nhà ông Vinh đến nhà ông Thiện): Điểm đầu Km0+00 giao với đường bê tông; điểm cuối Km0+177,67 đến khe suối thuộc địa phận bản Cây, xã Trí Nang.

- Tuyến số 3 (từ suối Cây đến nhà văn hóa thôn): Điểm đầu Km0+00 tiếp giáp suối Cây; điểm cuối Km0+181,69 trước nhà văn hóa thôn Cây.

Tổng tuyến có 18 đỉnh đường cong nằm đóng cong, bán kính nhỏ nhất $R_{min}=15\text{m}$; tuyến 1 bố trí 1 điểm tránh xe, kết cấu như kết cấu tuyến chính.

b) Trắc dọc tuyến: Đường đỏ được thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn 4%, hạn chế khối lượng đào đắp để phù hợp với kinh phí của dự án và đảm bảo độ êm thuận khi xe chạy; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=15\%$.

c) Mặt cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$;
- Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$;
- Chiều rộng lề đất hai bên $B_{l\grave{e}} = 2 \times 0,5=1,0m$;
- Độ dốc ngang mặt đường $i_{m\grave{a}t} = 2\%$; dốc ngang lề đường $i_{l\grave{e}} = 4\%$.

d) Mặt đường: Bề mặt bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng đá dăm nước đá (4x6)cm dày 12cm, đối với đoạn dốc dọc $I \geq 10\%$ móng bằng bê tông xi măng M100 dày 12cm.

e) Nền đường: Dạng nền thông thường, chiều cao đào đắp thấp.

- Nền đường đắp: Đắp bằng đất đào tận dụng; đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5.

- Nền đường đào: Độ dốc mái ta luy nền đào 1/1.

g) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: bằng chảy toả và đào rãnh dọc đất tiết diện hình thang, kích thước $(0,4+1,0) \times 0,4m$.

- Thoát nước ngang: trên tuyến hiện có 01 cống cũ thuộc cống tròn đường kính $\Phi 1,0m$ đang còn sử dụng được nên tận dụng và không thiết kế mới.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

12. Dự toán duyệt: 1.199.078.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng),

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	957.991.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	27.615.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	153.677.000	đồng.
- Chi phí khác:	7.063.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	52.732.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Không.

Điều 2. Ban Dân tộc căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó CVP Trần Huy Chân;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

Công trình: Đường giao thông nội bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	HẠNG MỤC	KINH PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	KINH PHÍ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	870.900.507	87.090.051	957.991.000
1	Kinh phí xây lắp	870.900.507	87.090.051	957.991.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	27.615.210		27.615.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	140.268.477	13.408.848	153.677.000
1	Chi phí khảo sát	53.487.273	5.348.727	58.836.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	47.127.273	4.712.727	51.840.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát	2.180.000		2.180.000
4	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu	1.000.000		1.000.000
5	Chi phí đánh giá HS đề xuất	1.000.000		1.000.000
6	Chi phí thẩm định HSYC và thẩm định kết quả LCNT	2.000.000		2.000.000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	33.473.932	3.347.393	36.821.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	7.062.569		7.063.000
1	Phí thẩm định phê duyệt báo cáo KTKT	227.825		228.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	6.834.745		6.835.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	52.732.000		52.732.000
	TỔNG CỘNG	1.098.578.764	100.498.898	1.199.078.000